

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 17-6-2024
V/v tranh chấp xác định
phần quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Đặng Văn Tri.
2. Phạm Quốc Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/7/2023, 30/8/2023 và 17/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2022/TLST-DS ngày 23/12/2022 về việc “Tranh chấp về xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang S, sinh năm 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Đội M, thôn Đ, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1954 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn PM, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Việt C, sinh năm 1985 (vắng mặt);
+ Ông Bùi Việt C2, sinh năm 1990 (vắng mặt);
+ Bà Bùi Thị Kim C3, sinh năm 1986 (vắng mặt).
+ Ông Bùi Việt C4, sinh năm 1981 (vắng mặt).

HKTT: Thôn PT, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Hiện trú: Thôn PM, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 - (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn PM, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

+ Ông Đoàn Minh H, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn PT1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn D, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khôi Z, thị trấn P1, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (về việc tranh chấp quyền xác định phần quyền sở hữu tài sản), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Trần Quang S trình bày: Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2022/DS-PT ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì ông Bùi Văn K có trách nhiệm trả cho các thừa kế của ông Trần Văn C gồm: bà Nguyễn Thị K, ông Trần Quang K1, ông Trần Đại L, ông Trần Văn H, ông Trần Quang H1, ông Trần Văn T1, bà Trần Thị Bích N, ông Trần Quang S số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) (do ông Trần Quang S đại diện nhận). Thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 05/01/2022. Tuy nhiên, sau khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn ra Quyết định thi hành án số 505/QĐ-CCTHADS ngày 09/5/2022 về việc thi hành án đối với ông Bùi Văn K thì ông K không tự nguyện thi hành án.

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn thì vợ chồng ông K, bà Nguyễn Thị Xuân T2 (chết) có khối tài sản chung là một phần quyền sử dụng đất gồm: thửa đất số 570^e, tờ bản đồ số 3 diện tích 220m²; thửa số 570^B, tờ bản đồ số 3, diện tích 510m²; thửa số 570, tờ bản đồ số 2, diện tích 160m²; thửa số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 655m²; thửa số 220, tờ bản đồ số 3, diện tích 670m²; thửa số 20^C, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m²; thửa số 365, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.125m²; thửa số 516, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.200m²; thửa số 444^E, tờ bản đồ số 6, diện tích 310m² và thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² - đất đều tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn đã ra Thông báo số 1118/TB-CCTHADS ngày 22/9/2023 thông báo cho ông về việc khởi kiện tại Tòa án để xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông K trong khối tài sản chung.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn giải quyết: xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông K trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất nói trên để ông có đủ điều kiện yêu cầu thi hành án.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn - ông Bùi Văn K; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: các anh chị Bùi Việt C4, Bùi Việt C, Bùi Việt C2 và Bùi Thị Kim C3 - vắng mặt: ông Bùi Văn K; các anh chị Bùi Việt C4, Bùi Việt C, Bùi Việt C2 và Bùi Thị Kim C3 - đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và H giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là anh ruột bà Nguyễn Thị Xuân T2 (vợ ông Bùi Văn K). Hộ gia đình ông được cấp thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² - tọa lạc tại thôn PM, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Ban đầu ông có rủ ông Đoàn Minh H cùng nhau làm đơn xin cấp đất lâm nghiệp để sử dụng chung,

nhưng sau này ông H rút, không tham gia nữa. Ông tiếp tục làm các thủ tục và đã được UBND huyện Tây Sơn cấp đất và Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00798/M QSDĐ/H12 ngày 20/9/2001. Tại thời điểm cấp đất, hộ gia đình ông có ông, vợ ông (Nguyễn Thị T) và các con gồm: Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L. Đến ngày 21/7/2008 ông đã làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất cho em gái là bà T2, đã đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền. Bà T2 giao đủ tiền, ông đã giao đất cho bà Thu sử dụng từ đó. Việc chuyển nhượng này thì vợ, con ông đều biết và đồng ý. Ông không có tranh chấp khiếu nại gì. Ngoài ra, ngày 20/9/1999 ông có nhận chuyển nhượng diện tích 200m² đất ở thuộc thửa đất số 444^E, tờ bản đồ số 6 từ vợ chồng ông Bùi Văn K, bà Nguyễn Xuân T2. Hai bên cũng làm đầy đủ thủ tục chuyển nhượng theo quy định, đã đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền, ông đã giao đủ tiền theo hợp đồng nhưng bên ông K, bà T2 chưa giao đất cho ông. Đối với việc này ông tự thỏa thuận giải quyết, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn Đ. Năm 1993 bà có nghe ông Đ nói là làm thủ tục xin cấp đất rừng để canh tác. Ban đầu ông Đ rủ thêm hai hộ nữa là hộ ông Đoàn Minh H và hộ ông Nguyễn D. Sau đó hộ ông H và ông D không có nhu cầu nên đã rút lui, chỉ còn hộ gia đình bà (do ông Đ đại diện) làm thủ tục và được UBND huyện Tây Sơn cấp thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² - tọa lạc tại thôn PM, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (theo Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00798/M QSDĐ/H12 ngày 20/9/2001). Hộ ông H, ông D không biết gì về thửa đất trên. Sau khi nhận đất về thì hộ gia đình bà trực tiếp quản lý và canh tác đất. Đến ngày 21/7/2008 gia đình bà đã làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất cho bà Nguyễn Thị Xuân T2 (em gái ông Đ), đã đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền. Việc chuyển nhượng này thì bà, các con đều biết và đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L trình bày: các ông là con của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Các ông thống nhất toàn bộ như lời khai và yêu cầu của cha mẹ đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Minh H trình bày: Ông với ông Nguyễn Văn Đ là chỗ bạn bè. Năm 1993 ông có nghe ông Đ rủ đăng ký để được cấp đất rừng ở Tây Phú, Tây S, Bình Định. Ông chỉ nghe thế chứ ông không trực tiếp làm thủ tục, không nhận đất và không canh tác thửa đất rừng nói trên. Ông cũng không biết thửa đất trên ở đâu. Vợ con ông cũng không biết gì. Ông Đ bán thửa đất trên cho em gái ông không biết. Ông Đ nhận đất thì ông Đ toàn quyền định đoạt, vợ chồng ông và các con không có ý kiến gì.

UBND xã P cung cấp: Thực hiện Nghị định số 64/CP của Chính phủ hộ gia đình bà Nguyễn Thị Xuân T2 đã kê khai và được cấp một số thửa đất nông nghiệp, tại thời điểm cấp đất, hộ bà T2 gồm có 06 nhân khẩu là: bà T2, ông K, và 04 người con: Bùi Việt C4, Bùi Việt C, Bùi Việt C2 và Bùi Thị Kim C3

Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tây Sơn cung cấp: Hộ bà Nguyễn Thị Xuân T2 được cân đối giao quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau: thửa đất số 570^e, tờ bản đồ số 3 diện tích 220m²; thửa số 570^B, tờ bản đồ số 3, diện tích 510m²; thửa số

570, tờ bản đồ số 2, diện tích 160m²; thửa số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 655m²; thửa số 220, tờ bản đồ số 3, diện tích 670m²; thửa số 20^C, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m²; thửa số 365, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.125m²; thửa số 516, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.200m²; thửa số 444^E, tờ bản đồ số 6, diện tích 110m²; thửa số 444E, tờ bản đồ số 6, diện tích 200m² (theo Giấy chứng nhận QSD số vào sổ 00172/M QSDĐ/H12 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 10/11/1993; đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 20/9/1999); ngày 21/7/2008 bà T2 nhận chuyển nhượng thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² từ ông Nguyễn Văn Đ, đã được chỉnh lý biến động trên Giấy QSD số vào sổ 00798/M QSDĐ/H12 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 20/9/2001. Tất cả các thửa đất đều tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trừ phần 200m² đất ở thuộc thửa đất 44^E đã chuyển nhượng, các thửa đất còn lại hiện nay chưa có đăng ký biến động gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây S phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX: Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 229, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 212, 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang S. Xác định ông Bùi Văn K được quyền sử dụng đối với 1/6 diện tích đất nông nghiệp được cấp trong hộ gồm: thửa đất số 570^e, tờ bản đồ số 3 diện tích 220m²; thửa số 570^B, tờ bản đồ số 3, diện tích 510m²; thửa số 570, tờ bản đồ số 3, diện tích 330m²; thửa số 571^a, tờ bản đồ số 3, diện tích 190m²; thửa số 179, tờ bản đồ số 3, diện tích 160m²; thửa số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 655m²; thửa số 220, tờ bản đồ số 3, diện tích 670m²; thửa số 20^C, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m²; thửa số 365, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.125m²; thửa số 516, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.200m²; thửa số 444^E, tờ bản đồ số 6, diện tích 110m² (đất trồng cây hàng năm khác) - được UBND huyện Tây Sơn cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Xuân T2 theo Giấy chứng nhận QSD số vào sổ 00172/M QSDĐ/H12 ngày 10/11/1993. Đồng thời, ông K còn được quyền sử dụng 1/2 thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² (theo Giấy QSD số vào sổ 00798/M QSDĐ/H12 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 20/9/2001 mang tên Nguyễn Văn Đ). Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn PM, xã P, huyện T, Bình Định.

Đối với phần thừa kế di sản quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Xuân T2 để lại thì tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung vì chưa đủ điều kiện để xác định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Bùi Việt C, Bùi Việt C2 - vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần; Bị đơn: ông Bùi Văn K; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bùi Việt C4, Bùi Thị

Kim C3; người làm chứng: ông Nguyễn Văn D - vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2022/DS-PT ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì ông Bùi Văn K có trách nhiệm trả cho các thừa kế của ông Trần Văn C gồm: bà Nguyễn Thị K, ông Trần Quang K1, ông Trần Đại L, ông Trần Văn H, ông Trần Quang H1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Bích N, ông Trần Quang S số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) (do ông Trần Quang S đại diện nhận). Thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 05/01/2022. Tuy nhiên, sau khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn ra Quyết định thi hành án số 505/QĐ-CCTHADS ngày 09/5/2022 về việc thi hành án đối với ông Bùi Văn K thì ông K không tự nguyện thi hành án. Căn cứ Thông báo số 1118/TB-CCTHADS ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, ngày 04/10/2022 ông Trần Quang S đã khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông K trong khối tài sản chung - là trong thời hạn quy định, phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Xuân T2 (chết năm 2018) có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất gồm 08 thửa đất lúa, 02 thửa đất màu và 01 thửa đất ở, cụ thể: thửa đất số 570^e, tờ bản đồ số 3 diện tích 220m²; thửa số 570^B, tờ bản đồ số 3, diện tích 510m²; thửa số 570, tờ bản đồ số 3, diện tích 330m²; thửa số 571^a, tờ bản đồ số 3, diện tích 190m²; thửa số 179, tờ bản đồ số 3, diện tích 160m²; thửa số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 655m²; thửa số 220, tờ bản đồ số 3, diện tích 670m²; thửa số 20^C, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m²; thửa số 365, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.125m²; thửa số 516, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.200m²; thửa số 444^E, tờ bản đồ số 6, diện tích 310m² (đất ở: 200m², đất trồng cây hàng năm khác: 110m²) - (theo Giấy chứng nhận QSD số vào sổ 00172/M QSDĐ/H12 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 10/11/1993). Ngày 21/7/2008 bà T2 nhận chuyển nhượng thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² từ ông Nguyễn Văn Đ, đã được chỉnh lý biến động trên Giấy QSD số vào sổ 00798/M QSDĐ/H12 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 20/9/2001. Các chủ sử dụng khác trong nhóm hộ Nguyễn Văn Đ là ông Đoàn Minh H (được cấp Giấy chứng nhận QSD đất) không có ý kiến gì trong việc chuyển nhượng QSD đất này. Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn PM, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Theo Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tây Sơn cung cấp thì trừ 200m² đất ở thửa đất số 444^E, các thửa đất còn lại hiện nay chưa có đăng ký biến động gì. Tại thời điểm cấp đất thì hộ gia đình bà T2 gồm có 06 nhân khẩu là: bà Thu, ông K và 04 người con: Bùi Việt C4, Bùi Việt C, Bùi Việt C2 và Bùi Thị Kim C3.

Năm 2009 vợ chồng bà T2, ông K đã chuyển nhượng đất ở tại thửa đất số 444^E, tờ bản đồ số 6 (đất ở: 200m², đất trồng cây hàng năm khác: 110m²) cho ông Nguyễn Văn Đ (đã được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tây S chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận QSD đất). Nhưng thực tế từ đó đến nay ông Bùi Văn K vẫn cư trú và sinh sống tại nhà đất thửa số 444^E này. Ông Nguyễn Văn Đ (người nhận chuyển nhượng đất) cũng thừa nhận sự việc này. Tuy nhiên, không có đương sự nào yêu cầu tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng QSD đất này nên HĐXX không xem xét.

Căn cứ quy định tại Điều 213 BLDS và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² là tài sản chung của vợ chồng ông Bùi Văn K, bà Nguyễn Thị Xuân T2; theo quy định tại Điều 212 BLDS thì các thửa đất còn lại là tài sản chung của hộ gia đình ông K.

[4] Hộ bà T2, ông K được cấp tổng cộng: 3.435m² đất lúa; 2.325m² đất màu; 200m² đất ở (đã chuyển nhượng) và 110m² đất vườn thừa cho 06 nhân khẩu. Như vậy, một nhân khẩu trong hộ được cấp: 572,5m² đất lúa; 387,5m² đất màu và 18,333m² đất vườn thừa, đối với đất ở đã chuyển nhượng không xét.

Thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² là tài sản chung của vợ chồng ông K, bà T2; mỗi người được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ với diện tích: 61.000m² đất.

[5] Ông Bùi Văn K là người phải thi hành án - phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền (250 triệu đồng) đối với người khác (các thừa kế của ông Trần Văn C). Nhưng ông K không tự nguyện thi hành án mặc dù Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn đã ra Quyết định thi hành án số 505/QĐ-CCTHADS ngày 09/5/2022 và ông S đã đòi nhiều lần. Do đó, việc ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của ông K trong khối tài sản chung nói trên để đảm bảo điều kiện thi hành án là phù hợp với quy định tại Điều 219 BLDS, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[6] Theo các phân tích nêu trên, ông Bùi Văn K được quyền sử dụng đối với: 1/6 diện tích đất nông nghiệp đã được cấp cho hộ, tương đương: 572,5m² đất lúa; 387,5m² đất màu và 18,333m² đất trồng cây hàng năm khác trong 08 thửa đất lúa, 02 thửa đất màu (đất ở đã chuyển nhượng) được UBND huyện Tây Sơn cấp theo Giấy chứng nhận QSD số vào sổ 00172/M QSDĐ/H12 ngày 10/11/1993. Đồng thời, ông K còn được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất lâm nghiệp lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² (theo Giấy QSD số vào sổ 00798/M QSDĐ/H12 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 20/9/2001 mang tên Nguyễn Văn Đ, đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Xuân T2 21/7/2008), tương đương 61.000m² đất.

[7] Bà Nguyễn Thị Xuân T2 đã chết (ngày 04/12/2018), do vậy phát sinh quyền thừa kế đối với di sản do bà T2 để lại. Tuy nhiên, bị đơn và những người liên quan không cung cấp chứng cứ về việc bà T2 có để lại di chúc hay không nên chưa đủ điều kiện để phân chia phần di sản này cho ông K mà nghị tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

+ Ông Trần Quang S không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông S khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Ông Bùi Văn K phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000đ.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Quang S tự nguyện chịu 1.000.000đ (đã nộp xong).

[9] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 212, 213, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang S.

Xác định ông Bùi Văn K được quyền sử dụng đối với 1/6 diện tích đất nông nghiệp được cấp cho hộ, gồm các thửa đất: thửa đất số 570^E, tờ bản đồ số 3 diện tích 220m²; thửa số 570^B, tờ bản đồ số 3, diện tích 510m²; thửa số 570, tờ bản đồ số 3, diện tích 330m²; thửa số 571^a, tờ bản đồ số 3, diện tích 190m²; thửa số 179, tờ bản đồ số 3, diện tích 160m²; thửa số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 655m²; thửa số 220, tờ bản đồ số 3, diện tích 670m²; thửa số 20^C, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m²; thửa số 365, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.125m²; thửa số 516, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.200m²; thửa số 444^E, tờ bản đồ số 6, diện tích 110m² (đất trồng cây hàng năm khác) - được UBND huyện Tây Sơn cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Xuân T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00172/M QSDĐ/H12 ngày 10/11/1993.

Đồng thời, ông K còn được quyền sử dụng 1/2 diện tích đất lâm nghiệp tại lô số 00, tiểu khu 288, diện tích 122.000m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00798/M QSDĐ/H12 do UBND huyện Tây Sơn cấp ngày 20/9/2001 mang tên Nguyễn Văn Đ). Tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn PM, xã P, huyện T, Bình Định.

Đối với phần thừa kế di sản quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Xuân T2 để lại thì tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung vì chưa đủ điều kiện để xác định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Quang S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông S số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) - tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007616 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

+ Ông Bùi Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Quang S tự nguyện chịu 1.000.000đ (đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây S;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam